

**HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
KHOA TIẾNG ANH**

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ SINH VIÊN

HỌC KỲ I

1. TÊN HỌC PHẦN: NGHE HIỂU I

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 15%/học kỳ
- Kiểm tra giữa kỳ: 2 lần/học kỳ = 20%
- Điểm thưởng: 5%/học kỳ
- Thi cuối học kỳ: 60%/học kỳ

Thang điểm: 10

2. TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG NÓI 1

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 7.5 %
- Làm đầy đủ các bài tập được giao: 12.5 %
- Thi giữa học kỳ : 10 %
- Thi cuối học kỳ : **70%**

(Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

3. TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU 1

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 7.5 %
- Làm đầy đủ các bài tập được giao: 12.5 %
- Thi giữa học kỳ : 10 %
- Thi cuối học kỳ : 70%

(Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

4. TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG VIẾT 1

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 7.5 %
- Làm đầy đủ các bài tập được giao: 12.5 %
- Thi giữa học kỳ : 10 %
- Thi cuối học kỳ : 70%

(Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

5. TÊN HỌC PHẦN: NGỮ ÂM THỰC HÀNH 1

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 15%
- Kiểm tra giữa kỳ: 15 %
- Thi cuối học kỳ: 70%

(Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

HỌC KỲ II

1. TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG NGHE HIỂU 2

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 15%/học kỳ
- Kiểm tra giữa kỳ: 2 lần/học kỳ = 20%
- Điểm thưởng: 5%/học kỳ
- Thi cuối học kỳ: 60%/học kỳ

Thang điểm: 10

2. TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG NÓI 2

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 7.5 %
- Làm đầy đủ các bài tập được giao: 12.5 %
- Thi giữa học kỳ : 10 %
- Thi cuối học kỳ : 70%

(Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

3. TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU 2

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 7.5 %
- Làm đầy đủ các bài tập được giao: 12.5 %
- Thi giữa học kỳ : 10 %
- Thi cuối học kỳ : 70%

(Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

4. TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG VIẾT 2

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 7.5 %
- Làm đầy đủ các bài tập được giao: 12.5 %
- Thi giữa học kỳ : 10 %
- Thi cuối học kỳ : 70%

(Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

5. TÊN HỌC PHẦN: NGỮ ÂM THỰC HÀNH 2

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 15%
- Kiểm tra giữa kỳ: 15 %
- Thi cuối học kỳ: 70%

(Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

HỌC KỲ III

1.TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG NGHE HIỂU 3

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 15%/học kỳ
- Kiểm tra giữa kỳ: 2 lần/học kỳ = 20%
- Điểm thưởng: 5%/học kỳ
- Thi cuối học kỳ: 60%/học kỳ

Thang điểm: 10

2. TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG NÓI 3

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 7.5 %
- Làm đầy đủ các bài tập được giao: 12.5 %
- Thi giữa học kỳ : 10 %
- Thi cuối học kỳ : 70%

(Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

3. TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU 3

- Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:
- Dự lớp: 7.5 %

- Làm đầy đủ các bài tập được giao: 12.5 %
 - Thi giữa học kỳ : 10 %
 - Thi cuối học kỳ : 70%
- (Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

4. TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG VIẾT 3

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 7.5 %
 - Làm đầy đủ các bài tập được giao: 12.5 %
 - Thi giữa học kỳ : 10 %
 - Thi cuối học kỳ : 70%
- (Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

HỌC KỲ IV

1. TÊN HỌC PHẦN: ĐẤT NƯỚC HỌC I (ANH)

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 7.5 %
- Thảo luận + thuyết trình + bản thu hoạch + báo cáo: 12.5 %
- Thi giữa học kỳ : 10 %
- Thi cuối học kỳ hoặc tiểu luận: 70%

Thang điểm: 10

2. TÊN HỌC PHẦN: NGỮ PHÁP

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 15 %
- Thi giữa học kỳ: 15 %
- Thi cuối học kỳ: 70%

Thang điểm: 10

3. TÊN HỌC PHẦN: NGHE TIN 1

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 7.5 %
 - Thảo luận + thuyết trình + bài tập: 12.5 %
 - Thi giữa học kỳ : 10 %
 - Thi cuối học kỳ hoặc tiểu luận: 70%
- (Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

4. TÊN HỌC PHẦN: ĐỌC BÁO 1

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 7.5 %
 - Thảo luận + thuyết trình + bài tập: 12.5 %
 - Thi giữa học kỳ : 10 %
 - Thi cuối học kỳ: 70%
- (Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

HỌC KỲ V

1. TÊN HỌC PHẦN: ĐỌC BÁO 2

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 7.5 %
 - Thảo luận + thuyết trình + bài tập: 12.5 %
 - Thi giữa học kỳ : 10 %
 - Thi cuối học kỳ: 70%
- (Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

2. TÊN HỌC PHẦN: NGHE TIN 2

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 7.5 %
 - Thảo luận + thuyết trình + bài tập: 12.5 %
 - Thi giữa học kỳ : 10 %
 - Thi cuối học kỳ hoặc tiểu luận: 70%
- (Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

3. TÊN HỌC PHẦN: BIÊN DỊCH VIỆT – ANH I

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Sinh viên sẽ được đánh giá xuyên suốt chương trình học. Điểm kết quả môn học bao gồm:

- + Điểm chuyên cần, chuẩn bị bài và tham gia trên lớp: 20%
- + Kiểm tra giữa kỳ: 20%
- + Thi cuối kỳ: 60%

Tiêu chí chấm điểm bài thi dịch:

Điểm	Tiêu chí đánh giá			
	Nội dung (trung thành với văn bản gốc)	Xử lý ngôn ngữ (thoát ý, tự nhiên, phù hợp với văn cảnh)	Liên kết (cấu trúc tốt, có liên kết chặt chẽ, lôgíc)	Kỹ thuật (đúng ngữ pháp, chính tả, dấu câu)
6	Nội dung bài dịch trung thành với văn bản gốc, chứng tỏ người dịch hiểu rõ ngôn từ, chức năng ngôn ngữ, mục đích, ẩn ý và thể hiện được các yếu tố đó trong bản dịch	Việc chọn từ, cụm từ, thuật ngữ, đặc ngữ v.v. trong bài dịch thể hiện được cách diễn đạt ngôn ngữ của tác giả và phù hợp với ngôn ngữ đích. Người đọc có cảm giác bài dịch được viết bằng ngôn ngữ đích	Cấu trúc câu hợp lý, các hình thức liên kết văn bản trong bản dịch thể hiện nội dung một cách lôgíc kiến người đọc dễ dàng nắm bắt vấn đề.	Không có lỗi ngữ pháp, chính tả hoặc lỗi về dấu câu.
4 - 5	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch nắm vững vấn đề tác giả trình bày, tuy vẫn có những đoạn chưa thể hiện rõ hoặc hơi cường điệu hoặc giảm nhẹ ý của tác giả.	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ trong bài dịch phù hợp với văn bản gốc tuy còn những chỗ chưa hay, chưa tự nhiên. Người đọc có cảm giác bản dịch gần với ngôn ngữ đích.	Cấu trúc câu hợp lý Tuy chưa thật sự hoàn hảo nhưng đã biết sắp xếp lại các đoạn văn nếu cần để giúp người đọc nắm bắt được vấn đề.	Mắc một số lỗi nhỏ, nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung bài dịch.
3	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch có nắm được vấn đề, không có những lỗi nặng về hiểu sai ý hoặc bỏ không dịch v.v. khiến người đọc hiểu sai nội dung hoặc sai ý của tác giả.	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ không thực sự phù hợp với văn bản gốc, tuy nhiên vẫn ở mức chấp nhận được. Người đọc có cảm giác bản dịch không thật sự gần với ngôn ngữ đích.	Lúng túng khi xử lý cấu trúc câu, từ nối khiến người đọc có lúc bị hẫng, tuy nhiên người đọc vẫn có thể nắm bắt được vấn đề.	Mắc một số lỗi kỹ thuật nhưng chưa tới mức làm người đọc hiểu sai ý của tác giả hoặc không nắm bắt được vấn đề.
	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ	Cấu trúc câu không phù hợp,	Mắc nhiều lỗi cơ bản

2	hiều quá ít về nội dung bản gốc, một số đoạn bỏ không dịch (khoảng 10% bài)	theo kiểu từ theo từ, không phù hợp với văn cảnh. Người đọc thấy bản dịch khó hiểu.	các đoạn dịch trong bài rời rạc, không có sự liên kết về ý giữa các đoạn và trên nội dung toàn bài khiến người đọc khó nắm được vấn đề.	
1	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch không hiểu nội dung văn bản gốc, nhiều đoạn bỏ không dịch (khoảng 20% bài).	Phần lớn dịch từ theo từ. Người đọc không hiểu hoặc hiểu nhầm ý của tác giả.	Cấu trúc câu sai, bài dịch lủng củng khiến người đọc hiểu sai nội dung.	Mắc nhiều lỗi cơ bản không thể chấp nhận được trong một bài dịch.

Thang điểm: 10

4. TÊN HỌC PHẦN: BIÊN DỊCH ANH – VIỆT I

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Sinh viên sẽ được đánh giá xuyên suốt chương trình học. Điểm kết quả môn học tính theo hệ số 10, bao gồm:

- + Điểm chuyên cần, chuẩn bị bài và tham gia trên lớp: 20%
- + Kiểm tra giữa kỳ: 20%
- + Thi cuối kỳ: 60%

Tiêu chí chấm điểm bài thi dịch.

Điểm	Tiêu chí đánh giá			
	Nội dung (trung thành với văn bản gốc)	Xử lý ngôn ngữ (thoát ý, tự nhiên, phù hợp với văn cảnh)	Liên kết (cấu trúc tốt, có liên kết chặt chẽ, lôgic)	Kỹ thuật (đúng ngữ pháp, chính tả, dấu câu)
6	Nội dung bài dịch trung thành với văn bản gốc, chứng tỏ người dịch hiểu rõ ngôn từ, chức năng ngôn ngữ, mục đích, ẩn ý và thể hiện	Việc chọn từ, cụm từ, thuật ngữ, đặc ngữ v.v. trong bài dịch thể hiện được cách diễn đạt ngôn ngữ của tác giả và phù hợp với ngôn	Cấu trúc câu hợp lý, các hình thức liên kết văn bản trong bản dịch thể hiện nội dung một cách lôgic kiến người đọc dễ dàng	Không có lỗi ngữ pháp, chính tả hoặc lỗi về dấu câu.

	được các yếu tố đó trong bản dịch	ngữ đích. Người đọc có cảm giác bài dịch được viết bằng ngôn ngữ đích	nhắm bắt vấn đề.	
4 - 5	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch nắm vững vấn đề tác giả trình bày, tuy vẫn có những đoạn chưa thể hiện rõ hoặc hơi cường điệu hoặc giảm nhẹ ý của tác giả.	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ trong bài dịch phù hợp với văn bản gốc tuy còn những chỗ chưa hay, chưa tự nhiên. Người đọc có cảm giác bản dịch gần với ngôn ngữ đích.	Cấu trúc câu hợp lý Tuy chưa thật sự hoàn hảo nhưng đã biết sắp xếp lại các đoạn văn nếu cần để giúp người đọc nắm bắt được vấn đề.	Mắc một số lỗi nhỏ, nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung bài dịch.
3	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch có nắm được vấn đề, không có những lỗi nặng về hiểu sai ý hoặc bỏ không dịch v.v. khiến người đọc hiểu sai nội dung hoặc sai ý của tác giả.	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ không thực sự phù hợp với văn bản gốc, tuy nhiên vẫn ở mức chấp nhận được. Người đọc có cảm giác bản dịch không thật sự gần với ngôn ngữ đích.	Lúng túng khi xử lý cấu trúc câu, từ nối khiến người đọc có lúc bị hẫng, tuy nhiên người đọc vẫn có thể nắm bắt được vấn đề.	Mắc một số lỗi kỹ thuật nhưng chưa tới mức làm người đọc hiểu sai ý của tác giả hoặc không nắm bắt được vấn đề.
2	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch hiểu quá ít về nội dung bản gốc, một số đoạn bỏ không dịch (khoảng 10% bài)	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ theo kiểu từ theo từ, không phù hợp với văn cảnh. Người đọc thấy bản dịch khó hiểu.	Cấu trúc câu không phù hợp, các đoạn dịch trong bài rời rạc, không có sự liên kết về ý giữa các đoạn và trên nội dung toàn bài khiến người đọc khó nắm được vấn đề.	Mắc nhiều lỗi cơ bản
1	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch không hiểu nội dung văn bản gốc, nhiều đoạn bỏ không dịch (khoảng 20% bài).	Phần lớn dịch từ theo từ. Người đọc không hiểu hoặc hiểu nhầm ý của tác giả.	Cấu trúc câu sai, bài dịch lủng củng khiến người đọc hiểu sai nội dung.	Mắc nhiều lỗi cơ bản không thể chấp nhận được trong một bài dịch.

Thang điểm: 10

5. TÊN HỌC PHẦN: ĐẤT NƯỚC HỌC II (MỸ)

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 7.5 %
 - Thảo luận + thuyết trình + bản thu hoạch + báo cáo: 12.5 %
 - Thi giữa học kỳ : 10 %
 - Thi cuối học kỳ hoặc tiểu luận: 70%
- (Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

HỌC KỲ VI

1. TÊN HỌC PHẦN: BIÊN DỊCH ANH – VIỆT II

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Sinh viên sẽ được đánh giá xuyên suốt chương trình học. Điểm kết quả môn học bao gồm:

- + Điểm chuyên cần, chuẩn bị bài và tham gia trên lớp: 20%
- + Kiểm tra giữa kỳ: 20%
- + Thi cuối kỳ: 60%

Tiêu chí chấm điểm bài thi dịch:

Điểm	Tiêu chí đánh giá			
	Nội dung (trung thành với văn bản gốc)	Xử lý ngôn ngữ (thoát ý, tự nhiên, phù hợp với văn cảnh)	Liên kết (cấu trúc tốt, có liên kết chặt chẽ, lôgic)	Kỹ thuật (đúng ngữ pháp, chính tả, dấu câu)
6	Nội dung bài dịch trung thành với văn bản gốc, chứng tỏ người dịch hiểu rõ ngôn từ, chức năng ngôn ngữ, mục đích, ẩn ý và thể hiện được các yếu tố đó trong bản dịch	Việc chọn từ, cụm từ, thuật ngữ, đặc ngữ v.v. trong bài dịch thể hiện được cách diễn đạt ngôn ngữ của tác giả và phù hợp với ngôn ngữ đích. Người đọc có cảm giác bài dịch được viết bằng ngôn ngữ đích	Cấu trúc câu hợp lý, các hình thức liên kết văn bản trong bản dịch thể hiện nội dung một cách lôgic khiến người đọc dễ dàng nắm bắt vấn đề.	Không có lỗi ngữ pháp, chính tả hoặc lỗi về dấu câu.

4 - 5	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch nắm vững vấn đề tác giả trình bày, tuy vẫn có những đoạn chưa thể hiện rõ hoặc hơi cường điệu hoặc giảm nhẹ ý của tác giả.	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ trong bài dịch phù hợp với văn bản gốc tuy còn những chỗ chưa hay, chưa tự nhiên. Người đọc có cảm giác bản dịch gần với ngôn ngữ đích.	Cấu trúc câu hợp lý Tuy chưa thật sự hoàn hảo nhưng đã biết sắp xếp lại các đoạn văn nếu cần để giúp người đọc nắm bắt được vấn đề.	Mắc một số lỗi nhỏ, nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung bài dịch.
3	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch có nắm được vấn đề, không có những lỗi nặng về hiểu sai ý hoặc bỏ không dịch v.v. khiến người đọc hiểu sai nội dung hoặc sai ý của tác giả.	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ không thực sự phù hợp với văn bản gốc, tuy nhiên vẫn ở mức chấp nhận được. Người đọc có cảm giác bản dịch không thật sự gần với ngôn ngữ đích.	Lúng túng khi xử lý cấu trúc câu, từ nối khiến người đọc có lúc bị hẫng, tuy nhiên người đọc vẫn có thể nắm bắt được vấn đề.	Mắc một số lỗi kỹ thuật nhưng chưa tới mức làm người đọc hiểu sai ý của tác giả hoặc không nắm bắt được vấn đề.
2	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch hiểu quá ít về nội dung bản gốc, một số đoạn bỏ không dịch (khoảng 10% bài)	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ theo kiểu từ theo từ, không phù hợp với văn cảnh. Người đọc thấy bản dịch khó hiểu.	Cấu trúc câu không phù hợp, các đoạn dịch trong bài rời rạc, không có sự liên kết về ý giữa các đoạn và trên nội dung toàn bài khiến người đọc khó nắm được vấn đề.	Mắc nhiều lỗi cơ bản
1	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch không hiểu nội dung văn bản gốc, nhiều đoạn bỏ không dịch (khoảng 20% bài).	Phần lớn dịch từ theo từ. Người đọc không hiểu hoặc hiểu nhầm ý của tác giả.	Cấu trúc câu sai, bài dịch lủng củng khiến người đọc hiểu sai nội dung.	Mắc nhiều lỗi cơ bản không thể chấp nhận được trong một bài dịch.

Thang điểm: 10

2. TÊN HỌC PHẦN: BIÊN DỊCH VIỆT - ANH II

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Sinh viên sẽ được đánh giá xuyên suốt chương trình học. Điểm kết quả môn học bao gồm:

- + Điểm chuyên cần, chuẩn bị bài và tham gia trên lớp: 20%
- + Kiểm tra giữa kỳ: 20%
- + Thi cuối kỳ: 60%

Tiêu chí chấm điểm bài thi dịch:

Điểm	Tiêu chí đánh giá			
	Nội dung (trung thành với văn bản gốc)	Xử lý ngôn ngữ (thoát ý, tự nhiên, phù hợp với văn cảnh)	Liên kết (cấu trúc tốt, có liên kết chặt chẽ, lôgic)	Kỹ thuật (đúng ngữ pháp, chính tả, dấu câu)
6	Nội dung bài dịch trung thành với văn bản gốc, chứng tỏ người dịch hiểu rõ ngôn từ, chức năng ngôn ngữ, mục đích, ẩn ý và thể hiện được các yếu tố đó trong bản dịch	Việc chọn từ, cụm từ, thuật ngữ, đặc ngữ v.v. trong bài dịch thể hiện được cách diễn đạt ngôn ngữ của tác giả và phù hợp với ngôn ngữ đích. Người đọc có cảm giác bài dịch được viết bằng ngôn ngữ đích	Cấu trúc câu hợp lý, các hình thức liên kết văn bản trong bản dịch thể hiện nội dung một cách lôgic kiến người đọc dễ dàng nắm bắt vấn đề.	Không có lỗi ngữ pháp, chính tả hoặc lỗi về dấu câu.
4 - 5	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch nắm vững vấn đề tác giả trình bày, tuy vẫn có những đoạn chưa thể hiện rõ hoặc hơi cường điệu hoặc giảm nhẹ ý của tác giả.	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ trong bài dịch phù hợp với văn bản gốc tuy còn những chỗ chưa hay, chưa tự nhiên. Người đọc có cảm giác bản dịch gần với ngôn ngữ đích.	Cấu trúc câu hợp lý Tuy chưa thật sự hoàn hảo nhưng đã biết sắp xếp lại các đoạn văn nếu cần để giúp người đọc nắm bắt được vấn đề.	Mắc một số lỗi nhỏ, nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung bài dịch.
3	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch có nắm được vấn đề, không có những lỗi nặng về hiểu sai ý hoặc bỏ không dịch v.v. khiến	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ không thực sự phù hợp với văn bản gốc, tuy nhiên vẫn ở mức chấp nhận được. Người đọc	Lúng túng khi xử lý cấu trúc câu, từ nối khiến người đọc có lúc bị hẫng, tuy nhiên người đọc vẫn có thể nắm bắt được vấn	Mắc một số lỗi kỹ thuật nhưng chưa tới mức làm người đọc hiểu sai ý của tác giả hoặc

	người đọc hiểu sai nội dung hoặc sai ý của tác giả.	có cảm giác bản dịch không thật sự gần với ngôn ngữ đích.	đề.	không nắm bắt được vấn đề.
2	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch hiểu quá ít về nội dung bản gốc, một số đoạn bỏ không dịch (khoảng 10% bài)	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ theo kiểu từ theo từ, không phù hợp với văn cảnh. Người đọc thấy bản dịch khó hiểu.	Cấu trúc câu không phù hợp, các đoạn dịch trong bài rời rạc, không có sự liên kết về ý giữa các đoạn và trên nội dung toàn bài khiến người đọc khó nắm được vấn đề.	Mắc nhiều lỗi cơ bản
1	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch không hiểu nội dung văn bản gốc, nhiều đoạn bỏ không dịch (khoảng 20% bài).	Phần lớn dịch từ theo từ. Người đọc không hiểu hoặc hiểu nhầm ý của tác giả.	Cấu trúc câu sai, bài dịch lủng củng khiến người đọc hiểu sai nội dung.	Mắc nhiều lỗi cơ bản không thể chấp nhận được trong một bài dịch.

Thang điểm: 10

Sinh viên hoàn thành chương trình học nếu đạt điểm TBC từ 5.0 trở lên và có điểm bài thi cuối kỳ đạt tối thiểu 3/6.

3. TÊN HỌC PHẦN: NGHE TIN 3

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 7.5 %
 - Thảo luận + thuyết trình + bài tập: 12.5 %
 - Thi giữa học kỳ : 10 %
 - Thi cuối học kỳ hoặc tiểu luận: 70%
- (Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

4. TÊN HỌC PHẦN: NGỮ ÂM – ÂM VỊ HỌC TIẾNG ANH

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Dự lớp: 10%
- Bài tập: 10%
- Thi giữa kỳ: 20%
- Thi cuối kỳ: 60%

Thang điểm: 10

5. TÊN HỌC PHẦN: VĂN HỌC ANH – MỸ

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Dự lớp: 10%
- Tham gia hoạt động trên lớp: 10%
- Thi giữa kỳ: 20%
- Thi cuối kỳ: 60%

Thang điểm: 10

HỌC KỲ VII

1. TÊN HỌC PHẦN: NGỮ NGHĨA – NGỮ DỤNG HỌC

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp và tham gia bài: 10%
 - Bài tập giữa kỳ: 20 %
 - Trình bày project trên lớp: 20%
 - Thi cuối học kỳ : 50%
- (Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

2. TÊN HỌC PHẦN: BIÊN DỊCH ANH – VIỆT III

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Sinh viên sẽ được đánh giá xuyên suốt chương trình học. Điểm kết quả môn học bao gồm:

- + Điểm chuyên cần, chuẩn bị bài và tham gia trên lớp: 20%
 - + Kiểm tra giữa kỳ: 20%
 - + Thi cuối kỳ: 60%
- Tiêu chí chấm điểm bài thi dịch:

Điểm	Tiêu chí đánh giá			
	Nội dung (trung thành với văn bản gốc)	Xử lý ngôn ngữ (thoát ý, tự nhiên, phù hợp với văn cảnh)	Liên kết (cấu trúc tốt, có liên kết chặt chẽ, lôgic)	Kỹ thuật (đúng ngữ pháp, chính tả, dấu câu)
	Nội dung bài dịch trung thành với văn bản gốc, chứng tỏ người dịch hiểu rõ	Việc chọn từ, cụm từ, thuật ngữ, đặc ngữ v.v. trong bài dịch thể hiện được	Cấu trúc câu hợp lý, các hình thức liên kết văn bản trong bản dịch thể	Không có lỗi ngữ pháp, chính tả hoặc lỗi về dấu

6	ngôn từ, chức năng ngôn ngữ, mục đích, ẩn ý và thể hiện được các yếu tố đó trong bản dịch	cách diễn đạt ngôn ngữ của tác giả và phù hợp với ngôn ngữ đích. Người đọc có cảm giác bài dịch được viết bằng ngôn ngữ đích	hiện nội dung một cách lôgic kiến người đọc dễ dàng nắm bắt vấn đề.	câu.
4 - 5	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch nắm vững vấn đề tác giả trình bày, tuy vẫn có những đoạn chưa thể hiện rõ hoặc hơi cường điệu hoặc giảm nhẹ ý của tác giả.	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ trong bài dịch phù hợp với văn bản gốc tuy còn những chỗ chưa hay, chưa tự nhiên. Người đọc có cảm giác bản dịch gần với ngôn ngữ đích.	Cấu trúc câu hợp lý Tuy chưa thật sự hoàn hảo nhưng đã biết sắp xếp lại các đoạn văn nếu cần để giúp người đọc nắm bắt được vấn đề.	Mắc một số lỗi nhỏ, nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung bài dịch.
3	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch có nắm được vấn đề, không có những lỗi nặng về hiểu sai ý hoặc bỏ không dịch v.v. khiến người đọc hiểu sai nội dung hoặc sai ý của tác giả.	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ không thực sự phù hợp với văn bản gốc, tuy nhiên vẫn ở mức chấp nhận được. Người đọc có cảm giác bản dịch không thật sự gần với ngôn ngữ đích.	Lúng túng khi xử lý cấu trúc câu, từ nối khiến người đọc có lúc bị hẫng, tuy nhiên người đọc vẫn có thể nắm bắt được vấn đề.	Mắc một số lỗi kỹ thuật nhưng chưa tới mức làm người đọc hiểu sai ý của tác giả hoặc không nắm bắt được vấn đề.
2	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch hiểu quá ít về nội dung bản gốc, một số đoạn bỏ không dịch (khoảng 10% bài)	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ theo kiểu từ theo từ, không phù hợp với văn cảnh. Người đọc thấy bản dịch khó hiểu.	Cấu trúc câu không phù hợp, các đoạn dịch trong bài rời rạc, không có sự liên kết về ý giữa các đoạn và trên nội dung toàn bài khiến người đọc khó nắm được vấn đề.	Mắc nhiều lỗi cơ bản
1	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch không hiểu nội dung văn bản gốc,	Phần lớn dịch từ theo từ. Người đọc không hiểu hoặc hiểu nhầm ý của	Cấu trúc câu sai, bài dịch lủng củng khiến người đọc hiểu sai nội dung.	Mắc nhiều lỗi cơ bản không thể chấp nhận được trong

	nhiều đoạn bỏ không dịch (khoảng 20% bài).	tác giả.		một bài dịch.
--	--	----------	--	---------------

Thang điểm: 10

Sinh viên hoàn thành chương trình học nếu đạt điểm TBC từ 5.0 trở lên và có điểm bài thi cuối kỳ đạt tối thiểu 3/6.

3. TÊN HỌC PHẦN: BIÊN DỊCH VIỆT - ANH III

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Sinh viên sẽ được đánh giá xuyên suốt chương trình học. Điểm kết quả môn học bao gồm:

- + Điểm chuyên cần, chuẩn bị bài và tham gia trên lớp: 20%
- + Kiểm tra giữa kỳ: 20%
- + Thi cuối kỳ: 60%

Tiêu chí chấm điểm bài thi dịch:

Điểm	Tiêu chí đánh giá			
	Nội dung (trung thành với văn bản gốc)	Xử lý ngôn ngữ (thoát ý, tự nhiên, phù hợp với văn cảnh)	Liên kết (cấu trúc tốt, có liên kết chặt chẽ, lôgic)	Kỹ thuật (đúng ngữ pháp, chính tả, dấu câu)
6	Nội dung bài dịch trung thành với văn bản gốc, chứng tỏ người dịch hiểu rõ ngôn từ, chức năng ngôn ngữ, mục đích, ẩn ý và thể hiện được các yếu tố đó trong bản dịch	Việc chọn từ, cụm từ, thuật ngữ, đặc ngữ v.v. trong bài dịch thể hiện được cách diễn đạt ngôn ngữ của tác giả và phù hợp với ngôn ngữ đích. Người đọc có cảm giác bài dịch được viết bằng ngôn ngữ đích	Cấu trúc câu hợp lý, các hình thức liên kết văn bản trong bản dịch thể hiện nội dung một cách lôgic kiến người đọc dễ dàng nắm bắt vấn đề.	Không có lỗi ngữ pháp, chính tả hoặc lỗi về dấu câu.
4 - 5	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch nắm vững vấn đề tác giả trình bày, tuy vẫn có những đoạn chưa thể hiện rõ hoặc hơi cường	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ trong bài dịch phù hợp với văn bản gốc tuy còn những chỗ chưa hay, chưa tự nhiên.	Cấu trúc câu hợp lý Tuy chưa thật sự hoàn hảo nhưng đã biết sắp xếp lại các đoạn văn nếu cần để giúp người đọc nắm bắt được	Mắc một số lỗi nhỏ, nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung bài dịch.

	điều hoặc giảm nhẹ ý của tác giả.	Người đọc có cảm giác bản dịch gần với ngôn ngữ đích.	vấn đề.	
3	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch có nắm được vấn đề, không có những lỗi nặng về hiểu sai ý hoặc bỏ không dịch v.v. khiến người đọc hiểu sai nội dung hoặc sai ý của tác giả.	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ không thực sự phù hợp với văn bản gốc, tuy nhiên vẫn ở mức chấp nhận được. Người đọc có cảm giác bản dịch không thật sự gần với ngôn ngữ đích.	Lúng túng khi xử lý cấu trúc câu, từ nối khiến người đọc có lúc bị hẫng, tuy nhiên người đọc vẫn có thể nắm bắt được vấn đề.	Mắc một số lỗi kỹ thuật nhưng chưa tới mức làm người đọc hiểu sai ý của tác giả hoặc không nắm bắt được vấn đề.
2	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch hiểu quá ít về nội dung bản gốc, một số đoạn bỏ không dịch (khoảng 10% bài)	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ theo kiểu từ theo từ, không phù hợp với văn cảnh. Người đọc thấy bản dịch khó hiểu.	Cấu trúc câu không phù hợp, các đoạn dịch trong bài rời rạc, không có sự liên kết về ý giữa các đoạn và trên nội dung toàn bài khiến người đọc khó nắm được vấn đề.	Mắc nhiều lỗi cơ bản
1	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch không hiểu nội dung văn bản gốc, nhiều đoạn bỏ không dịch (khoảng 20% bài).	Phần lớn dịch từ theo từ. Người đọc không hiểu hoặc hiểu nhầm ý của tác giả.	Cấu trúc câu sai, bài dịch lủng củng khiến người đọc hiểu sai nội dung.	Mắc nhiều lỗi cơ bản không thể chấp nhận được trong một bài dịch.

Thang điểm: 10

Sinh viên hoàn thành chương trình học nếu đạt điểm TBC từ 5.0 trở lên và có điểm bài thi cuối kỳ đạt tối thiểu 3/6.

4. TÊN HỌC PHẦN: ĐỌC BÁO 3

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 7.5 %
- Thảo luận + thuyết trình + bài tập: 12.5 %
- Thi giữa học kỳ : 10 %
- Thi cuối học kỳ: 70%

(Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

HỌC KỲ VIII

1. TÊN HỌC PHẦN: BIÊN DỊCH VIỆT - ANH IV

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Sinh viên sẽ được đánh giá xuyên suốt chương trình học. Điểm kết quả môn học bao gồm:

- + Điểm chuyên cần, chuẩn bị bài và tham gia trên lớp: 20%
- + Kiểm tra giữa kỳ: 20%
- + Thi cuối kỳ: 60%

Tiêu chí chấm điểm bài thi dịch:

Điểm	Tiêu chí đánh giá			
	Nội dung (trung thành với văn bản gốc)	Xử lý ngôn ngữ (thoát ý, tự nhiên, phù hợp với văn cảnh)	Liên kết (cấu trúc tốt, có liên kết chặt chẽ, lôgic)	Kỹ thuật (đúng ngữ pháp, chính tả, dấu câu)
6	Nội dung bài dịch trung thành với văn bản gốc, chứng tỏ người dịch hiểu rõ ngôn từ, chức năng ngôn ngữ, mục đích, ẩn ý và thể hiện được các yếu tố đó trong bản dịch	Việc chọn từ, cụm từ, thuật ngữ, đặc ngữ v.v. trong bài dịch thể hiện được cách diễn đạt ngôn ngữ của tác giả và phù hợp với ngôn ngữ đích. Người đọc có cảm giác bài dịch được viết bằng ngôn ngữ đích	Cấu trúc câu hợp lý, các hình thức liên kết văn bản trong bản dịch thể hiện nội dung một cách lôgic kiến người đọc dễ dàng nắm bắt vấn đề.	Không có lỗi ngữ pháp, chính tả hoặc lỗi về dấu câu.
4 - 5	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch nắm vững vấn đề tác giả trình bày, tuy vẫn có những đoạn chưa thể hiện rõ hoặc hơi cường điệu hoặc giảm nhẹ ý của tác giả.	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ trong bài dịch phù hợp với văn bản gốc tuy còn những chỗ chưa hay, chưa tự nhiên. Người đọc có cảm giác bản dịch gần với ngôn ngữ đích.	Cấu trúc câu hợp lý Tuy chưa thật sự hoàn hảo nhưng đã biết sắp xếp lại các đoạn văn nếu cần để giúp người đọc nắm bắt được vấn đề.	Mắc một số lỗi nhỏ, nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung bài dịch.

3	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch có nắm được vấn đề, không có những lỗi nặng về hiểu sai ý hoặc bỏ không dịch v.v. khiến người đọc hiểu sai nội dung hoặc sai ý của tác giả.	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ không thực sự phù hợp với văn bản gốc, tuy nhiên vẫn ở mức chấp nhận được. Người đọc có cảm giác bản dịch không thật sự gần với ngôn ngữ đích.	Lúng túng khi xử lý cấu trúc câu, từ nối khiến người đọc có lúc bị hẫng, tuy nhiên người đọc vẫn có thể nắm bắt được vấn đề.	Mắc một số lỗi kỹ thuật nhưng chưa tới mức làm người đọc hiểu sai ý của tác giả hoặc không nắm bắt được vấn đề.
2	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch hiểu quá ít về nội dung bản gốc, một số đoạn bỏ không dịch (khoảng 10% bài)	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ theo kiểu từ theo từ, không phù hợp với văn cảnh. Người đọc thấy bản dịch khó hiểu.	Cấu trúc câu không phù hợp, các đoạn dịch trong bài rời rạc, không có sự liên kết về ý giữa các đoạn và trên nội dung toàn bài khiến người đọc khó nắm được vấn đề.	Mắc nhiều lỗi cơ bản
1	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch không hiểu nội dung văn bản gốc, nhiều đoạn bỏ không dịch (khoảng 20% bài).	Phần lớn dịch từ theo từ. Người đọc không hiểu hoặc hiểu nhầm ý của tác giả.	Cấu trúc câu sai, bài dịch lủng củng khiến người đọc hiểu sai nội dung.	Mắc nhiều lỗi cơ bản không thể chấp nhận được trong một bài dịch.

Thang điểm: 10

Sinh viên hoàn thành chương trình học nếu đạt điểm TBC từ 5.0 trở lên và có điểm bài thi cuối kỳ đạt tối thiểu 3/6.

2. TÊN HỌC PHẦN: BIÊN DỊCH VIỆT - ANH IV

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Sinh viên sẽ được đánh giá xuyên suốt chương trình học. Điểm kết quả môn học bao gồm:

- + Điểm chuyên cần, chuẩn bị bài và tham gia trên lớp: 20%
- + Kiểm tra giữa kỳ: 20%
- + Thi cuối kỳ: 60%

Tiêu chí chấm điểm bài thi dịch:

Điểm	Tiêu chí đánh giá			
	Nội dung (trung thành với văn bản gốc)	Xử lý ngôn ngữ (thoát ý, tự nhiên, phù hợp với văn cảnh)	Liên kết (cấu trúc tốt, có liên kết chặt chẽ, logic)	Kỹ thuật (đúng ngữ pháp, chính tả, dấu câu)
6	Nội dung bài dịch trung thành với văn bản gốc, chứng tỏ người dịch hiểu rõ ngôn từ, chức năng ngôn ngữ, mục đích, ẩn ý và thể hiện được các yếu tố đó trong bản dịch	Việc chọn từ, cụm từ, thuật ngữ, đặc ngữ v.v. trong bài dịch thể hiện được cách diễn đạt ngôn ngữ của tác giả và phù hợp với ngôn ngữ đích. Người đọc có cảm giác bài dịch được viết bằng ngôn ngữ đích	Cấu trúc câu hợp lý, các hình thức liên kết văn bản trong bản dịch thể hiện nội dung một cách logic khiến người đọc dễ dàng nắm bắt vấn đề.	Không có lỗi ngữ pháp, chính tả hoặc lỗi về dấu câu.
4 - 5	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch nắm vững vấn đề tác giả trình bày, tuy vẫn có những đoạn chưa thể hiện rõ hoặc hơi cường điệu hoặc giảm nhẹ ý của tác giả.	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ trong bài dịch phù hợp với văn bản gốc tuy còn những chỗ chưa hay, chưa tự nhiên. Người đọc có cảm giác bản dịch gần với ngôn ngữ đích.	Cấu trúc câu hợp lý Tuy chưa thật sự hoàn hảo nhưng đã biết sắp xếp lại các đoạn văn nếu cần để giúp người đọc nắm bắt được vấn đề.	Mắc một số lỗi nhỏ, nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung bài dịch.
3	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch có nắm được vấn đề, không có những lỗi nặng về hiểu sai ý hoặc bỏ không dịch v.v. khiến người đọc hiểu sai nội dung hoặc sai ý của tác giả.	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ không thực sự phù hợp với văn bản gốc, tuy nhiên vẫn ở mức chấp nhận được. Người đọc có cảm giác bản dịch không thật sự gần với ngôn ngữ đích.	Lúng túng khi xử lý cấu trúc câu, từ nối khiến người đọc có lúc bị hẫng, tuy nhiên người đọc vẫn có thể nắm bắt được vấn đề.	Mắc một số lỗi kỹ thuật nhưng chưa tới mức làm người đọc hiểu sai ý của tác giả hoặc không nắm bắt được vấn đề.
	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch hiểu quá ít về nội	Cách diễn đạt từ, thuật ngữ, đặc ngữ theo kiểu từ theo	Cấu trúc câu không phù hợp, các đoạn dịch	Mắc nhiều lỗi cơ bản

2	dung bản gốc, một số đoạn bỏ không dịch (khoảng 10% bài)	từ, không phù hợp với văn cảnh. Người đọc thấy bản dịch khó hiểu.	trong bài rời rạc, không có sự liên kết về ý giữa các đoạn và trên nội dung toàn bài khiến người đọc khó nắm được vấn đề.	
1	Nội dung bản dịch chứng tỏ người dịch không hiểu nội dung văn bản gốc, nhiều đoạn bỏ không dịch (khoảng 20% bài).	Phần lớn dịch từ theo từ. Người đọc không hiểu hoặc hiểu nhầm ý của tác giả.	Cấu trúc câu sai, bài dịch lủng củng khiến người đọc hiểu sai nội dung.	Mắc nhiều lỗi cơ bản không thể chấp nhận được trong một bài dịch.

Thang điểm: 10

Sinh viên hoàn thành chương trình học nếu đạt điểm TBC từ 5.0 trở lên và có điểm bài thi cuối kỳ đạt tối thiểu 3/6.

3. TÊN HỌC PHẦN: NGHE TIN 4

Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Dự lớp: 7.5 %
- Thảo luận + thuyết trình + bài tập: 12.5 %
- Thi giữa học kỳ : 10 %
- Thi cuối học kỳ: 70%

(Tính % theo điểm tổng cả học kỳ)

Thang điểm: 10

Tiêu chí đánh giá sinh viên

Dự lớp (để quyết định sinh viên đủ điều kiện dự thi): 15%

Đánh giá liên tục khả năng dịch và sự tiến bộ của sinh viên trong suốt học kỳ: 15%

Thi cuối kỳ: 70% số điểm

Thang điểm: 10/10

Bài thi cuối kỳ gồm 2 phần dịch Anh-Việt và Việt-Anh, mỗi phần khoảng 100 từ về những chủ đề đã học. Mỗi phần dịch sẽ được cho điểm tối đa là 10 (tính tới điểm rưỡi), với thang điểm như sau:

1-2 = Sinh viên rõ ràng không có khả năng chuyển tải thông điệp. Câu cụt và đứt quãng. Không có cấu trúc hay từ vựng rõ ràng. Mắc lỗi thường xuyên và nghiêm trọng khiến mục đích về chuyển tải thông điệp bị thất bại. Phát âm sai, không có ngữ điệu, hoặc nói quá nhỏ. Giao tiếp phi ngôn ngữ không có hoặc yếu. Phản xạ chậm, nói không trôi chảy.

3-4 = Sinh viên có chút ít khả năng dịch, nhưng cấu trúc và diễn đạt yếu, từ vựng sơ sài. Nhiều lỗi nghiêm trọng khiến người nghe cảm thấy khó hiểu hoặc hiểu sai ý người nói. Nói thiếu trôi chảy, phát âm có lỗi nhưng có thể hiểu được, không có ngữ điệu. Giao tiếp phi ngôn ngữ yếu. Không có khả năng ghi nhớ.

5-6 = Sinh viên có khả năng dịch vừa phải. Có một số chỗ dịch sai. Cấu trúc câu và từ vựng đơn giản. Tuy có nhiều lỗi, song sinh viên nhìn chung đã có thể chuyển tải thông điệp. Chỉ trôi chảy những câu ngắn và đơn giản. Phát âm được, nhưng ngữ điệu chưa rõ. Giao tiếp phi ngôn ngữ còn hạn chế. Khả năng ghi nhớ kém.

7-8 = Sinh viên có khả năng dịch. Có khả năng dùng những mẫu câu và từ vựng phức tạp hơn, nhưng vẫn còn mắc lỗi nhỏ về ngữ pháp hoặc từ vựng, tuy những lỗi đó không gây hiểu sai. Phản xạ tốt, nói tương đối trôi chảy. Phát âm rõ, có ngữ điệu. Giao tiếp phi ngôn ngữ tốt. Tuy nhiên khả năng ghi nhớ chưa được tốt. Chưa linh hoạt và tự tin trong xử lý tình huống.

9-10 = Sinh viên có tiềm năng trở thành một phiên dịch tốt, luôn thể hiện sự tự tin, linh hoạt và thoải mái trong việc sử dụng cả hai ngôn ngữ. Dịch chính xác và tự nhiên. Sinh viên biết sử dụng những cấu trúc và lỗi diễn đạt hay, tự nhiên (kể cả thành ngữ), biết sử dụng từ vựng phức tạp và phong phú (kể cả những thuật ngữ chuyên ngành). Tuy vẫn còn mắc lỗi, nhưng đó là những lỗi nhỏ và không thường xuyên. Phản xạ nhanh, nói trôi chảy. Phát âm tốt, có ngữ điệu. Giao tiếp phi ngôn ngữ tốt. Khả năng ghi nhớ khá. Biết phản ứng và xử lý tốt khi gặp từ mới.

5. TÊN HỌC PHẦN: PHIÊN DỊCH THỰC HÀNH 2 (INTERPRETING 2)

Tiêu chí đánh giá sinh viên

- Dự lớp (để quyết định sinh viên đủ điều kiện dự thi): 15%
- Đánh giá liên tục khả năng dịch và sự tiến bộ của sinh viên trong suốt học kỳ: 15%
- Thi cuối kỳ: 70% số điểm

Thang điểm: 10/10

Bài thi cuối kỳ gồm 2 phần dịch Anh-Việt và Việt-Anh, mỗi phần khoảng 100 từ về những chủ đề đã học. Mỗi phần dịch sẽ được cho điểm tối đa là 10 (tính tới điểm rưỡi), với thang điểm như sau:

1-2 = Sinh viên rõ ràng không có khả năng chuyển tải thông điệp. Câu cụt và đứt quãng. Không có cấu trúc hay từ vựng rõ ràng. Mắc lỗi thường xuyên và nghiêm trọng khiến mục đích về chuyển tải thông điệp bị thất bại. Phát âm sai, không có ngữ điệu, hoặc nói quá nhỏ. Giao tiếp phi ngôn ngữ không có hoặc yếu. Phản xạ chậm, nói không trôi chảy.

3-4 = Sinh viên có chút ít khả năng dịch, nhưng cấu trúc và diễn đạt yếu, từ vựng sơ sài. Nhiều lỗi nghiêm trọng khiến người nghe cảm thấy khó hiểu hoặc hiểu sai ý người nói. Nói thiếu trôi chảy, phát âm có lỗi nhưng có thể hiểu được, không có ngữ điệu. Giao tiếp phi ngôn ngữ yếu. Không có khả năng ghi nhớ.

5-6 = Sinh viên có khả năng dịch vừa phải. Có một số chỗ dịch sai. Cấu trúc câu và từ vựng đơn giản. Tuy có nhiều lỗi, song sinh viên nhìn chung đã có thể chuyển tải thông

điệp. Chỉ trôi chảy những câu ngắn và đơn giản. Phát âm được, nhưng ngữ điệu chưa rõ. Giao tiếp phi ngôn ngữ còn hạn chế. Khả năng ghi nhớ kém, ghi chép còn quá nhiều. Mất logic trong khi dịch.

7-8 = Sinh viên có khả năng dịch. Có khả năng dùng những mẫu câu và từ vựng phức tạp hơn, những vẫn còn mắc lỗi nhỏ về ngữ pháp hoặc từ vựng, tuy những lỗi đó không gây hiểu sai. Phản xạ tốt, nói tương đối trôi chảy. Phát âm rõ, có ngữ điệu. Giao tiếp phi ngôn ngữ tốt. Tuy nhiên khả năng ghi nhớ chưa được tốt, ghi chép còn nhiều. Chưa linh hoạt và tự tin trong xử lý tình huống. Còn chần chừ trong khi dịch. Khi dịch còn thêm ý riêng của mình hoặc bị trùng lặp.

9-10 = Sinh viên có tiềm năng trở thành một phiên dịch tốt, luôn thể hiện sự tự tin, linh hoạt và thoải mái trong việc sử dụng cả hai ngôn ngữ. Hiểu được logic của vấn đề. Dịch chính xác và tự nhiên. Sinh viên biết sử dụng những cấu trúc và lỗi diễn đạt hay, tự nhiên (kể cả thành ngữ), biết sử dụng từ vựng phức tạp và phong phú (kể cả những thuật ngữ chuyên ngành). Tuy vẫn còn mắc lỗi, nhưng đó là những lỗi nhỏ và không thường xuyên. Phản xạ nhanh, nói trôi chảy. Phát âm tốt, có ngữ điệu. Giao tiếp phi ngôn ngữ tốt. Khả năng ghi nhớ khá. Biết phản ứng và xử lý tốt khi gặp từ mới.